

哭

kū

to cry

Lesson 9

笑

xiào

to smile

Lesson 9

东西

dōng xi

thing

Lesson 9

丢

diū

to lose

Lesson 9

到

dào

(used after verb to
indicate result)

Lesson 9

什么东西丢了?

Shén me dōng xi diū le?

What is lost?

Lesson 9

笑一笑!

Xiào yī xiào!

Smile!

Lesson 9